

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 135/2018/DS-PT

Ngày 30 - 11 - 2018

V/v tranh chấp di sản thừa kế

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2018/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp di sản thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 25/7/2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Châu Thị H (Đặng Thị H), sinh năm 1953 (đã mất)

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Châu Thị H:

- Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1951 (chồng bà H)

- Ông Đỗ Trường A, sinh năm 1979 (con bà H)

- Ông Đỗ Đình Đ, sinh năm 1989 (con bà H)

Cùng cư trú tại: Ấp K (nay là Khóm M), thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Bà Đỗ Thùy T, sinh năm 1981; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp K (nay là Khóm M), thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau; cư trú tại: Ấp MSB, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (con bà H).

Người đại diện ủy quyền của ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Trường A, bà Đỗ Thùy T, ông Đỗ Đình Đ: Bà Đặng Thị O, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp ML, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (Theo giấy ủy quyền ngày 07/3/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Trường A, bà Đỗ Thùy T, ông Đỗ Đình Đ: Ông Dương Bạch T - Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu.

- Ông Đỗ Quốc T, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (con bà H).

2. Bà Đặng Bích G, sinh năm 1961; cư trú tại: Ấp MSB, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

3. Bà Đặng Kim P, sinh năm 1962; cư trú tại: Ấp M, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Bích G và bà Đặng Kim P: Bà Đặng Thị O, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp ML, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (Theo giấy ủy quyền ngày 02/8/2018).

4. Bà Đặng Thị O, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp ML, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Việt C, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp MSB, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1953; cư trú tại: Ấp MSB, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bà Đỗ Thùy T, sinh năm 1981 và ông Phạm Thanh P, sinh năm 1971; cùng cư trú tại: Ấp MSB, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

3. Bà Nguyễn Thu T, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp MSB, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

4. Ông Đặng Trọng N và bà Trần Thị D; cùng cư trú tại: Ấp MSB, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

5. Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; trụ sở: Khóm M, Phường M, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thanh T - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (Theo văn bản ủy quyền số 106/UQ-UBND ngày 06/7/2016).

- *Người kháng cáo:* Các nguyên đơn bà Đặng Thị O, bà Đặng Bích G, bà Đặng Kim P; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H gồm ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Trường A, bà Đỗ Thùy T, ông Đỗ Đình Đ; bị đơn ông Đặng Việt C.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà O, ông Dương Bạch T, ông C, bà T,
ông N, bà D có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 01 năm 2014 và đơn yêu cầu 12/8/2016, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các nguyên đơn bà Đặng Bích G, bà Đặng Kim P; bà Đặng Thị O là nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H thống nhất trình bày:

Cha và mẹ của các bà là ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị N có 05 người con chung gồm: Bà Đặng Thị H, bà Đặng Bích G, bà Đặng Kim P, bà Đặng Thị O và ông Đặng Việt C.

Ông Đ và bà N chết năm 2007, không có để lại di chúc và có để lại di sản là phần đất diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 46.230m² tại các thửa số 0048, 0049, 0057 (theo đo đạc thực tế là 46.964,2m²), căn nhà và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, tọa lạc ấp MSB, xã P, huyện R (nay là thị xã G), tỉnh Bạc Liêu. Hiện do ông C đang quản lý sử dụng.

Nay các nguyên đơn yêu cầu chia phần đất nêu trên, không yêu cầu đổi với căn nhà và các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất của ông Đ nhưng cấp nhầm cho ông Huỳnh Văn S đứng tên.

Đồng thời các nguyên đơn yêu cầu ông C trả tiền lợi nhuận từ việc canh tác trên phần đất thừa kế với số tiền 300.000.000 đồng.

Bị đơn ông Đặng Việt C trình bày:

Cha và mẹ của ông là ông Đặng Văn Đ và bà Phạm Thị N chết vào năm 2007, có 05 người con, không để lại di chúc và để lại di sản như các nguyên đơn trình bày.

Ông C không đồng ý yêu cầu chia di sản thừa kế theo các nguyên đơn, vì các nguyên đơn đã lập Tờ thỏa thuận ngày 06 tháng 8 năm 2007 giao lại toàn bộ tài sản của ông Đ, bà N cho ông C. Đồng thời, ông không đồng ý yêu cầu trả tiền lợi nhuận từ việc canh tác trên phần đất thừa kế với số tiền 300.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn S trình bày: Ông có phần đất giáp ranh với đất ông Đặng Văn Đ, từ trước đến nay ông với ông Đ sử dụng ổn định, không tranh chấp, ông không biết lý do vì sao phần đất của ông Đ lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Ông không có yêu cầu hay ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thanh P và bà Đỗ Thùy T trình bày: Hiện nay ông, bà có cất một căn nhà tạm ở trên đất ông Đ. Trong quá trình giải quyết nếu chia cho ai thì ông, bà đồng ý tháo dỡ căn nhà để giao trả đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thu T trình bày: Bà là vợ ông C và sống chung nhà với ông C, bà không có yêu cầu hay ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Trọng N và bà Trần Thị D trình bày: Phần đất ông, bà đang sử dụng là của ông C cho ông, bà để canh tác nhưng không có giấy tờ.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn bà Đặng Thị H là ông Đỗ Quốc T: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành lấy lời khai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu trình bày:

Phần đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đặng Văn Đ do Ủy ban nhân dân huyện R (nay là thị xã G), tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 20/4/1996 theo Quyết định số 285/QĐ-UB ngày 26/8/1995 của Ủy ban nhân dân huyện R (nay là thị xã G), tỉnh Bạc Liêu là đúng trình tự và thủ tục theo quy định của Luật Đất đai tại thời điểm cấp.

Riêng phần đất diện tích 1.413,7m² thuộc thửa số 52 tờ bản đồ số 04 đã được Ủy ban nhân dân huyện R (nay là thị xã G) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn S theo Quyết định số 285/QĐ-UB ngày 26 tháng 8 năm 1995 của Ủy ban nhân dân huyện R (nay là thị xã G) là không đúng quy định, vì ông S cũng thừa nhận đây là đất của ông Đặng Văn Đ, đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông và ông không có quản lý sử dụng.

Đây là vụ án tranh chấp thừa kế nên Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu sẽ cấp giấy chứng nhận theo quyết định của Tòa án, khi án có hiệu lực pháp luật và đương sự đến thực hiện đúng các thủ tục theo quy định.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 25/7/2018, Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn gồm bà Đặng Thị H, bà Đặng Bích G, bà Đặng Kim P, bà Đặng Thị O về việc yêu cầu chia hoa lợi, lợi tức số tiền 300.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn gồm bà Đặng Thị H, bà Đặng Bích G, bà Đặng Kim P về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị O: Buộc ông Đặng Việt C có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị O phần giá trị di sản thừa kế với số tiền 200.000.000 đồng.

4. Ông Đặng Việt C được chia và được hưởng phần di sản thừa kế gồm: 07 phần đất có tuyên vị trí, tứ cận kèm theo.

5. Các phần đất nêu trên hiện ông Đặng Việt C đang quản lý sử dụng nên được tiếp tục quản lý sử dụng. Kiến nghị Ủy ban nhân dân có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện R (nay là

thị xã G) cấp ngày 20 tháng 4 năm 1996 tại các thửa số 0048, 0049, 0057 tờ bản đồ số 04 cho ông Đặng Văn Đ theo Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 1995 của Ủy ban nhân dân huyện R (nay là thị xã G), để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C theo đo đạc thực tế là 46.964,2m², tọa lạc ấp MSB, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu khi ông C đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

6. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.413,7m² thuộc thửa 52 tờ bản đồ 04 do ông Huỳnh Văn S đứng tên tọa lạc ấp MSB, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu theo Quyết định số 285/QĐ-UB ngày 26 tháng 8 năm 1995 do Ủy ban nhân dân huyện R (nay là thị xã G).

7. Buộc bà Đỗ Thùy T và ông Phạm Thanh P có nghĩa vụ tháo dỡ căn nhà để giao trả đất cho ông Đặng Việt C. Căn nhà dài 8,6 mét - ngang 4,2 mét (tổng diện tích 36,12m²), kết cấu: nền đất, vách lá, mái lá, cột gỗ địa phương, kèo, đòn tay gỗ địa phương,

8. Về án phí:

- Bà Châu Thị H phải chịu nộp án phí 3.000.000 đồng. Khấu trừ số tiền đã dự nộp tạm ứng 5.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 009418 ngày 13/01/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R (nay là thị xã G) nên bà H còn được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng. Nhưng do bà H đã chết nên những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà H được nhận.

- Bà Đặng Bích G phải chịu nộp án phí là 1.500.000 đồng. Khấu trừ số tiền đã dự nộp tạm ứng 5.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 009419 ngày 13/01/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R (nay là thị xã G) và dự nộp tạm ứng 750.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001054 ngày 15/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên bà G còn được nhận lại số tiền 4.250.000 đồng.

- Bà Đặng Kim P phải chịu nộp án phí là 1.500.000 đồng. Khấu trừ số tiền đã dự nộp tạm ứng 5.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 009420 ngày 13/01/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R (nay là thị xã G) và dự nộp tạm ứng 750.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001055 ngày 15/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên bà P còn được nhận lại số tiền 4.250.000 đồng.

- Bà Đặng Thị O phải chịu nộp án phí 13.000.000 đồng. Khấu trừ số tiền đã dự nộp tạm ứng 5.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 009417 ngày 13/01/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R (nay là thị xã G) và dự nộp tạm ứng 750.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001056 ngày 15/8/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G nên buộc bà O phải nộp tiếp là 7.250.000 đồng

- Ông Đặng Việt C phải chịu án phí là 39.394.000 đồng.

9. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá: Bà Châu Thị H dự nộp 900.000 đồng và bà Đặng Thị O dự nộp 1.500.000 đồng, đã sử dụng hết vào chi phí nên không được xem xét trả lại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí giám định, lãi suất trong giai đoạn thi hành án, Luật Thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/8/2018, các nguyên đơn bà Đặng Bích G, bà Đặng Kim P và bà Đặng Thị O có đơn kháng cáo đề ngày 26/7/2018 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế tài sản theo pháp luật đối với phần diện tích đất 46.964,20m² và chia hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng di sản thừa kế với số tiền 300.000.000 đồng.

Ngày 06/8/2018, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H gồm ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Trường A, bà Đỗ Thùy T, ông Đỗ Đình Đ có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế tài sản theo pháp luật đối với phần diện tích đất 46.964,20m² và chia hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng di sản thừa kế với số tiền 300.000.000 đồng.

Ngày 08/8/2018, bị đơn ông Đặng Việt C có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết về việc không đồng ý chia cho bà O số tiền 200.000.000 đồng; công nhận toàn bộ phần diện tích đất của cha mẹ ông cho ông.

Ngày 07/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu kháng nghị yêu cầu sửa một phần Bản án sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 25/7/2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, theo hướng chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Đặng Thị H, bà Đặng Bích G và bà Đặng Kim P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đặng Thị O là nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn bà G, bà P và của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H gồm ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Trường A, bà Đỗ Thùy T, ông Đỗ Đình Đ; bị đơn ông Đặng Việt C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H trình bày: Ông Đ, bà N chết không để lại di chúc nên di sản của ông Đ, bà N phải được phân chia thừa kế theo pháp luật. Tờ thỏa thuận ngày 06/8/2007 không được công chứng, chứng thực hợp pháp nên không có giá trị. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn, đề nghị chia bằng hiện vật (đất).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã G; chấp nhận một phần kháng cáo của bà G, bà P, bà O, ông H, ông A, bà T, ông Đ; không chấp nhận kháng cáo của ông C, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã G, chấp nhận yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của các nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu chia số tiền 300.000.000 đồng lợi nhuận từ việc canh tác phần đất thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Tất cả các bên đương sự thống nhất xác định ông Đặng Văn Đ chết vào tháng 06 năm 2007, bà Phạm Thị N chết tháng 5 năm 2007. Ông Đ và bà N có 05 người con gồm: Bà Đặng Thị H (chết tháng 02/2018), bà Đặng Thị O, bà Đặng Bích G, bà Đặng Kim P và ông Đặng Việt C. Ngoài ra, ông Đ, bà N không có con nuôi, con riêng nào khác. Đồng thời, các bên cũng thống nhất di sản ông Đ, bà N để lại là phần đất tại thửa số 0048, 0049, 0057, tờ bản đồ số 04 do Ủy ban nhân dân huyện R (nay là thị xã G) cấp ngày 20/4/1996 cho ông Đặng Văn Đ, qua đo đạc thực tế là 46.964,2m². Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Các nguyên đơn yêu cầu chia toàn bộ di sản của ông Đ, bà N để lại đó là phần đất qua đo đạc thực tế là 46.964,2m², không yêu cầu chia các tài sản trên đất và toàn bộ tài sản này hiện do ông Đặng Việt C, con ông C đang quản lý, sử dụng. Về phía ông C không đồng ý chia vì các chị em trong gia đình đã lập Tờ thỏa thuận ngày 06/8/2007 với nội dung giao toàn bộ tài sản của ông Đ, bà N cho ông quản lý và đồng thời ông phải có trách nhiệm thờ phụng cha mẹ.

[4] Xét “Tờ thỏa (thỏa) thuận” ngày 06/8/2007, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo nội dung thỏa thuận, các nguyên đơn thỏa thuận giao toàn bộ tài sản của cha mẹ cho ông C. Ông Đ, bà N chỉ có một phần diện tích đất (theo sự thống nhất của các bên) nên về cách thức phân chia di sản đã được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 681 Bộ luật Dân sự năm 2005. Mặc khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 681 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì: *“Mọi thỏa thuận của những hàng thừa kế phải được lập thành văn bản”*. Như vậy, luật quy định việc thỏa thuận về phân chia di sản của các đồng thừa kế phải được lập thành văn bản, luật không quy định văn bản đó phải được công chứng, chứng thực mới phát sinh hiệu lực. Do đó, Tờ thỏa thuận được lập ngày 06/8/2007 giữa các đồng thừa kế vẫn đảm bảo về hình thức và nội dung theo đúng quy định pháp luật nên việc Tòa án cấp sơ thẩm công nhận giá trị tờ thỏa thuận nêu trên và không phân chia di sản thừa kế cho bà G, bà P và bà H là có căn cứ.

[5] Theo nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cho rằng “Tờ thỏa (thỏa) thuận” nêu trên giữa các đồng thừa kế không đúng về mặt hình thức và nội dung, do không được công chứng để làm cơ sở xác lập quyền sử dụng đất; việc Trưởng ấp ký xác nhận sau khi đã lập tờ thỏa thuận trước đó là không đảm bảo về hình thức. Về nội dung: Do bà O không thống nhất việc giao di sản cho ông C nên các đồng thừa kế còn lại định đoạt là không đảm bảo quyền lợi của bà O. Hội đồng xét xử xét thấy: Như đã phân tích nêu trên, tại khoản 2 Điều 681 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì tờ thỏa thuận phân chia di sản không quy định phải được công chứng, chứng thực mà chỉ cần đảm bảo được lập thành văn bản. Do đó, việc Trưởng ấp ký xác nhận nội dung thỏa thuận sau khi các bên thống nhất tự nguyện ký tên vào văn bản và đến năm 2013 mới xác nhận đóng dấu của chính quyền cấp xã không phải là vi phạm về hình thức đối với việc thỏa thuận phân chia di sản. Mặt khác, tại Kết luận giám định số 321/GĐ-2016 ngày 22/11/2016 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công An tỉnh Bạc Liêu thì không có căn cứ để xác định chữ ký O trong tờ thỏa thuận là của bà Đặng Thị O nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không công nhận giá trị của việc phân chia tài sản trong tờ thỏa thuận liên quan đến phần di sản bà O được hưởng và cấp sơ thẩm đã chia di sản thừa kế cho bà O theo pháp luật. Vì vậy, về nội dung vẫn đảm bảo quyền lợi của bà O. Do đó, không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của bà G, bà P, bà O, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H về việc yêu cầu chia toàn bộ di sản cho các đồng thừa kế; không chấp nhận ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H; không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Xét kháng cáo của các nguyên đơn bà G, bà P, bà O và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H yêu cầu được chia hoa lợi, lợi tức số tiền 300.000.000 đồng từ việc ông C sử dụng tài sản của cha, mẹ mà có. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Điều 192 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “*Quyền sử dụng là quyền khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản*” và tại Điều 194 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “*Quyền sử dụng tài sản có thể được chuyển giao cho người khác thông qua hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật. Người không phải là chủ sở hữu có quyền sử dụng tài sản đúng tính năng, công dụng, đúng phương thức. Người chiếm hữu không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình cũng có quyền khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản theo quy định của pháp luật*”. Như vậy, trong quá trình ông C quản lý, sử dụng di sản của cha, mẹ để lại thì trước đó các đồng thừa kế cũng không có ai tranh chấp nên việc ông C sử dụng và được quyền hưởng hoa lợi, lợi tức từ di sản là hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn bà G, bà O, bà P và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H.

[8] Xét kháng cáo của ông Đặng Việt C không đồng ý chia cho bà O số tiền 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Như đã phân tích, do không có căn cứ để xác định chữ ký O trong Tờ thỏa thuận ngày 06/8/2007 là của bà O nên không đủ cơ sở chứng minh bà O tự nguyện thỏa thuận phân chia di sản cho ông C quản lý thờ cúng cha mẹ như các đồng thừa kế khác, việc Tòa án cấp sơ thẩm phân chia 01 kỷ phần thừa kế cho bà O là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Tuy nhiên, theo Biên bản định giá tài sản ngày 19/12/2017 thì tổng giá trị di sản (quyền sử dụng đất) là 1.113.137.000 đồng. Tại Biên bản kiểm kê ngày 22/3/2016 (bút lục 238) thì tại phần đất thứ III có nhà mồ của ông Đ, bà N với diện tích 25m^2 nên khi xem xét tổng giá trị di sản phải trừ giá trị phần diện tích đất này. Cũng theo Biên bản định giá ngày 19/12/2017 thì phần đất thứ III có giá 35.000 đồng/ m^2 nên giá trị phần đất nhà mồ là $25\text{m}^2 \times 35.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 875.000$ đồng. Như vậy, tổng giá trị di sản (quyền sử dụng đất) là 1.113.137.000 đồng - 875.000 đồng = 1.112.262.000 đồng. Lẽ ra, khi phân chia di sản, ngoài những kỷ phần của những người thừa kế thì cần phân chia thêm 01 kỷ phần dùng để thờ cúng, nhưng do các đồng thừa kế đã thống nhất thỏa thuận cho ông C là người được hưởng toàn bộ tài sản của ông Đ, bà N và có nghĩa vụ thờ cúng cha mẹ nên trong vụ án này không cần phân chia thêm kỷ phần thờ cúng. Do đó, tổng giá trị di sản được chia thành 05 kỷ phần. Đủ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà O nên giá trị di sản là 1.112.262.000 đồng được chia cho 05 kỷ phần và bà O được hưởng 01 kỷ phần là $(1.112.262.000 \text{ đồng} : 05) = 222.452.400$ đồng. Do ông C là người có công gìn giữ toàn bộ di sản nên kỷ phần của ông C nhiều hơn các đồng thừa kế khác. Vì vậy, chỉ buộc ông C giao cho bà O số tiền 200.000.000 đồng như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông C.

[10] Xét ý kiến của bà O yêu cầu được chia thừa kế bằng hiện vật. Hội đồng xét xử xét thấy: Do toàn bộ diện tích đất tranh chấp đã được ông C trực tiếp quản lý, sử dụng liên tục từ năm 2007 đến nay, phần đất bao gồm nhiều thửa đất khác nhau, ông C đã cải tạo đất để canh tác nuôi trồng thủy sản nên khi sử dụng đất sẽ bị phụ thuộc đường sỏ nước, đường nước có vai trò quyết định hiệu quả sử dụng đất. Ngoài ra, các thửa đất không tương đương giá trị di sản bà O được hưởng. Do đó, để bảo đảm quá trình thi hành án và hiệu quả sử dụng đất nuôi trồng thủy sản, không chấp nhận yêu cầu chia bằng hiện vật (đất), cần chia di sản bằng giá trị cho bà O như cấp sơ thẩm là phù hợp.

[11] Về án phí: Đối với các nguyên đơn bà G và bà P không được chia thừa kế nên không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch; đối với ông C và bà O phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền trị giá phần di sản ông C, bà O được hưởng theo quy định pháp luật; đối với bà Đặng Thị H là cá nhân thuộc hộ nghèo nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 11 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà H đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng theo

Biên lai thu tiền số 009418 ngày 13/01/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện R (nay là thị xã G), tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại. Do bà H đã chết (mất) nên những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H, bao gồm ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Trường A, ông Đỗ Đình Đ, bà Đỗ Thùy T, ông Đỗ Quốc T được nhận.

[12] Riêng đối với yêu cầu về chia số tiền hoa lợi, lợi tức 300.000.000 đồng, do các nguyên đơn xác định số tiền này là di sản thừa kế, nhưng quá trình xét xử đủ căn cứ xác định đây không phải di sản thừa kế mà là tài sản tạo ra từ công sức của ông C nên số tiền 300.000.000 đồng không phải là di sản. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 48 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà O, bà G, bà P mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm buộc các đương sự chịu án phí có giá ngạch làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự nên cần sửa một phần án sơ thẩm về án phí, cụ thể như sau:

[13] Bà Đặng Bích G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Nhưng bà G có đơn xin miễn án phí và có xác nhận của chính quyền địa phương nên được miễn 50%, bà G còn phải nộp là 150.000 đồng. Đối trừ số tiền bà G đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 009419 ngày 13/01/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện R (nay là thị xã G), tỉnh Bạc Liêu và 750.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001054 ngày 15/8/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên bà G được hoàn lại số tiền 5.600.000 đồng.

[14] Bà Đặng Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Nhưng bà P có đơn xin miễn án phí và có xác nhận của chính quyền địa phương nên được miễn 50%, bà P còn phải nộp là 150.000 đồng. Đối trừ số tiền bà P đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 009420 ngày 13/01/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện R (nay là thị xã G), tỉnh Bạc Liêu và 750.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001055 ngày 15/8/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên bà P được hoàn lại số tiền 5.600.000 đồng.

[15] Bà Đặng Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 10.300.000 đồng. Bà O đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 009417 ngày 13/01/2014 và 750.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001056 ngày 15/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí, bà O còn phải nộp tiếp số tiền 4.550.000 đồng.

[16] Đối với án phí ông Đặng Việt C phải chịu: Như đã phân tích trên, tổng giá trị di sản (quyền sử dụng đất) là 1.112.262.000 đồng. Ông C phải chia cho bà O số tiền là 200.000.000 đồng nên ông C còn được hưởng là 912.262.000 đồng, nên phải chịu án phí là 36.000.000 đồng + 3.367.860 đồng (3% của phần giá trị vượt quá 800.000.000 đồng) = 39.367.860 đồng.

[17] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự phải chịu chi phí nếu yêu cầu của họ không được chấp nhận. Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.400.000 đồng. Do chấp nhận yêu cầu của bà O nên bà O không phải chịu chi phí, bà O đã nộp tạm ứng tiền chi phí là 1.500.000 đồng được hoàn lại. Bà H đã dự nộp 900.000 đồng, đã chi phí hết. Trong vụ án này, do chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá là 2.400.000 đồng nên bà H, bà G, bà P mỗi người phải chịu 800.000 đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bà G, bà P hoàn trả lại tiền đã nộp tạm ứng cho bà O, bà H là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà O, bà H. Do đó, cần sửa án về chi phí này, cụ thể: Buộc bà P hoàn cho bà H (do những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H nhận) số tiền 100.000 đồng và buộc bà P hoàn trả cho bà O số tiền 700.000 đồng; buộc bà G phải hoàn trả cho bà O số tiền 800.000 đồng.

[18] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Bích G, bà Đặng Thị O, bà Đặng Kim P và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Đặng Thị H; không chấp nhận ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H; không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Việt C; không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu và sửa một phần Bản án sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu về án phí và chi phí tố tụng.

[19] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đặng Bích G, bà Đặng Kim P, bà Đặng Thị O, ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Trường A, ông Đỗ Đình Đ, bà Đỗ Thùy T, ông Đặng Việt C mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 34, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 192, Điều 194, Điều 634, Điều 638 và Điều 681 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Bích G, bà Đặng Thị O, bà Đặng Kim P, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Đặng Thị H

(Châu Thị H) gồm ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Trường A, ông Đỗ Đình Đ, bà Đỗ Thùy T; không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Việt C; không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 25/7/2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn gồm bà Đặng Thị H (Châu Thị H), bà Đặng Bích G, bà Đặng Kim P, bà Đặng Thị O về việc yêu cầu chia hoa lợi, lợi tức số tiền 300.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn gồm bà Đặng Thị H (Châu Thị H), bà Đặng Bích G, bà Đặng Kim P về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị O về việc chia di sản thừa kế: Buộc ông Đặng Việt C có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị O phần giá trị di sản thừa kế với số tiền 200.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

4. Ông Đặng Việt C được chia và được hưởng phần di sản thừa kế gồm:

4.1. Phần đất thứ nhất: Diện tích 3.894,7m², thửa số 57, tờ bản đồ 04 do ông Đặng Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc ấp MSB, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Châu Văn C cạnh dài: 54,4m;
- Hướng Tây giáp Mương thoát nước cạnh dài: 45,2 m;
- Hướng Nam giáp Châu Văn C cạnh dài: 78,7 m;
- Hướng Bắc giáp phần đất thứ II cạnh dài: 95,69m.

4.2. Phần đất thứ hai: Diện tích 1.249,6m², thửa số 57, tờ bản đồ 04 do ông Đặng Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc ấp MSB, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Châu Văn C cạnh dài: 9,4m;
- Hướng Tây giáp Mương thoát nước cạnh dài: 9,3m;
- Hướng Nam giáp phần đất thứ I cạnh dài: 95,69m;
- Hướng Bắc giáp phần đất thứ III, IV, V cạnh dài: 38,55m + 49,82m + 10,69m.

4.3. Phần đất thứ ba: Diện tích 2.194m², thửa số 48, tờ bản đồ 04 do ông Đặng Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc ấp MSB, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp đất phần đất thứ IV cạnh dài: 53,57m;
- Hướng Tây giáp Trần Tân P cạnh dài: 70,1m;
- Hướng Nam giáp phần đất thứ II cạnh dài: 38,55m;
- Hướng Bắc giáp phần đất thứ IV cạnh dài: 41,85m.

4.4. Phần đất thứ tư: Diện tích 13.180,1m², thửa số 48, tờ bản đồ 04 do ông Đặng Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc ấp MSB, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất thứ V cạnh dài: 20,9m + 128,83m + 16,7m + 9,4m;
- Hướng Tây giáp ông P, phần đất thứ III cạnh dài: 86,5 m + 41,85m + 53,57m;
- Hướng Nam giáp phần đất thứ II cạnh dài: 49,82m;
- Hướng Bắc giáp Nguyễn Văn Đ cạnh dài: 73,9m + 8,5m.

4.5. Phần đất thứ năm: Diện tích 13.873,8m², thửa số 49, tờ bản đồ 04 do ông Đặng Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc ấp MSB, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp Đỗ Văn V, phần đất thứ VI, VII cạnh dài: 40,9m + 45,4m + 87,55m + 58,45m;
- Hướng Tây giáp phần đất thứ IV cạnh dài: 28,9 m + 128,83m + 16,7m + 9,4m;
- Hướng Nam giáp phần đất thứ II, ông C, ông N cạnh dài: 10,68m + 77,9m;
- Hướng Bắc giáp ông V, ông G, ông Đ1 cạnh dài: 103,7m + 22,2m.

4.6. Phần đất thứ sáu: Diện tích 7.478,5m² tọa lạc ấp MSB, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (diện tích 6.064,8m² thửa số 49, tờ bản đồ 04 do ông Đặng Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; diện tích 1.413,7m² thuộc thửa 52 tờ bản đồ 04 do ông Huỳnh Văn S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp ông G, ông A1 cạnh dài: 59,6m + 42,9m;
- Hướng Tây giáp phần đất thứ V cạnh dài: 87,55m;
- Hướng Nam giáp Đỗ Văn V cạnh dài: 80,8m + 15,2m;
- Hướng Bắc giáp phần thứ VII cạnh dài: 80,31m + 10,71m + 8,47m.

4.7. Phần đất thứ bảy: Diện tích 5.093,5m², thửa số 49, tờ bản đồ 04 do ông Đặng Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc ấp MSB, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp Nguyễn Văn A cạnh dài: 11,6m + 36,2m;
- Hướng Tây giáp phần thứ V cạnh dài: 58,45m;
- Hướng Nam giáp phần thứ VI cạnh dài: 80,31m + 10,71m + 8,47m;
- Hướng Bắc giáp Nguyễn Văn Q cạnh dài: 79,3m.

5. Các phần đất nêu trên hiện ông Đặng Việt C đang quản lý sử dụng nên được tiếp tục quản lý sử dụng. Kiến nghị Ủy ban nhân dân có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện R (nay là thị xã G), tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 20/4/1996 tại các thửa số 0048, 0049, 0057 tờ bản đồ số 04 cho ông Đặng Văn Đ theo Quyết định số 285/QĐ-UB ngày 26/8/1995 của Ủy ban nhân dân huyện R (nay là thị xã G), tỉnh Bạc Liêu để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Việt C theo đo đạc thực tế là 46.964,2m², tọa lạc ấp MSB, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu khi ông C đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

6. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.413,7m² thuộc thửa 52 tờ bản đồ 04 do ông Huỳnh Văn S đứng tên tọa lạc ấp MSB, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu theo Quyết định số 285/QĐ-UB ngày 26/8/1995 của Ủy ban nhân dân huyện R (nay là thị xã G), tỉnh Bạc Liêu.

7. Buộc bà Đỗ Thùy T và ông Phạm Thanh P có nghĩa vụ tháo dỡ căn nhà để giao trả đất cho ông Đặng Việt C. Căn nhà dài 8,6 mét và ngang 4,2 mét (tổng diện tích 36,12m²), kết cấu: Nền đất, vách lá, mái lá, cột gỗ địa phương, kèo, đòn tay gỗ địa phương.

8. Về án phí:

8.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đặng Thị H (Châu Thị H). Bà H đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 009418 ngày 13/01/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện R (nay là thị xã G), tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại số tiền 5.000.000 đồng. Do bà H đã chết (mất) nên những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H, bao gồm ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Trường A, ông Đỗ Đình Đ, bà Đỗ Thùy T, ông Đỗ Quốc T mỗi người được nhận số tiền là 1.000.000 đồng.

- Bà Đặng Bích G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 150.000 đồng. Đối trừ số tiền bà G đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 009419 ngày 13/01/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện R (nay là thị xã G), tỉnh Bạc Liêu và 750.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001054 ngày 15/8/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên bà G được hoàn lại số tiền 5.600.000 đồng.

- Bà Đặng Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 150.000 đồng. Đối trừ số tiền bà P đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 009420 ngày 13/01/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện R (nay là thị xã G), tỉnh Bạc Liêu và 750.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001055 ngày 15/8/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên bà P được hoàn lại số tiền 5.600.000 đồng.

- Bà Đặng Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 10.300.000 đồng. Bà O đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 009417 ngày 13/01/2014 và 750.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001056 ngày

15/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí, bà O còn phải nộp tiếp số tiền 4.550.000 đồng.

- Ông Đặng Việt C phải chịu án phí sơ thẩm là 39.367.860 đồng.

8.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Đặng Thị O, bà Đặng Bích G, bà Đặng Kim P, ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Trường A, ông Đỗ Đình Đ và bà Đỗ Thùy T mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

Bà Đặng Thị O đã nộp tạm ứng 300.000 đồng và đã nộp tạm ứng thay cho ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Trường A, ông Đỗ Đình Đ, bà Đỗ Thùy T, bà Đặng Kim P, bà Đặng Bích G mỗi người 300.000 đồng theo các Biên lai thu tiền số 0012333, 0012334, 0012335, 0012336, 0012337, 0012338, 0012339 cùng ngày 06/8/2018 tại Chi cục thi hành án thị xã G, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

- Ông Đặng Việt C phải chịu 300.000 đồng. Ông C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0012342 ngày 08/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

9. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 2.400.000 đồng: Bà Đặng Thị H (Châu Thị H), bà Đặng Bích G, bà Đặng Kim P mỗi người phải chịu 800.000 đồng; bà Đặng Thị O không phải chịu.

Bà O đã dự nộp 1.500.000 đồng và bà Đặng Thị H (Châu Thị H) đã dự nộp 900.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Buộc bà Đặng Kim P hoàn trả cho bà Đặng Thị O số tiền 700.000 đồng.

Buộc bà Đặng Kim P hoàn trả cho bà Đặng Thị H (Châu Thị H) số tiền 100.000 đồng. Do bà H đã chết (mất) nên những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H bao gồm ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Trường A, ông Đỗ Đình Đ, bà Đỗ Thùy T, ông Đỗ Quốc T mỗi người được nhận số tiền 20.000 đồng.

Buộc bà Đặng Bích G hoàn trả cho bà Đặng Thị O số tiền 800.000 đồng.

10. Về chi phí giám định:

- Chi phí giám định tại Thành Phố Hồ Chí Minh là 600.000 đồng, do giám định không được nên ông Đặng Việt C phải chịu 600.000 đồng và ông C đã dự nộp xong.

- Chi phí giám định tại Bạc Liêu là 6.820.000 đồng, trong đó ông C yêu cầu giám định 04 người và xác định được 03 người mỗi người phải chịu 1.705.000 đồng, riêng bà H đã chết (mất) và ông C tự nguyện chịu. Buộc bà Đặng Bích G và bà Đặng Kim P phải trả lại cho ông Đặng Việt C mỗi người 1.705.000 đồng.

11. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- Đương sự (16 bản);
- Chi cục THADS thị xã G (01 bản);
- VKSND thị xã G (01 bản);
- TAND thị xã G (01 bản);
- Lưu: HSVA; THCTP (01 bản); TDS (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Châu Minh Nguyệt